



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xncdchy@gmail.com

Số: 541 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N13/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: Tại vòi phát

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Thôn Hoàng Cả - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

### II. Kết quả phân tích:

#### 1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,17	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	6,34	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,52	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<1,0 x 10 <sup>-3(a)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xncdchy@gmail.com

Số: 542/2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N14/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: HGD Ông Ngô Văn Bình - 89 Phố Nguyễn Trung Nghĩa - An Thi - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Cấp Nước An Thi

Địa chỉ: Thôn Hoàng Cả - Xã An Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,20	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	6,42	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,37	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<1,0 x 10 <sup>-3(a)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



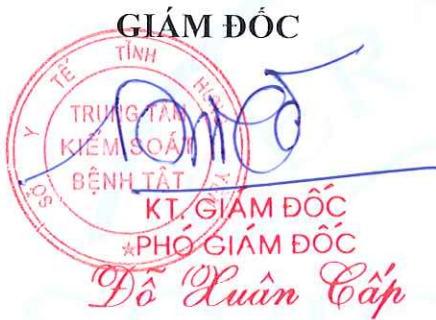
2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xn\_cdch\_y@gmail.com

Số: 543 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N15/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: HGD Ông Vũ Văn Thắng - Phó Bùi Thị Cúc - Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Thôn Hoàng Cả - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,25	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	6,40	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,31	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<1,0 x 10 <sup>-3(a)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đỗ Luân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xn\_cdch\_y@gmail.com

Số: 547 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/ 03/2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N19/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: Vòi phát

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Khoái Châu

Địa chỉ: Thôn Ngọc Nha Hạ - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

### II. Kết quả phân tích:

#### 1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,13	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,25	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,70	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 <sup>-3(b)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

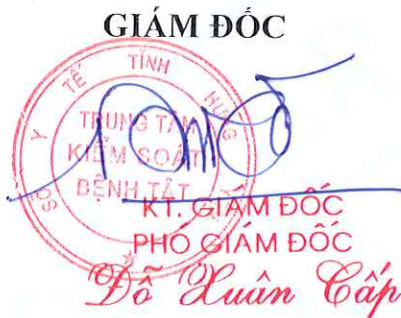
2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xn\_cdch\_y@gmail.com

Số: 548 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N20/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: Trạm Y Tế Phùng Hưng - Thôn Kim Quan - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Khoái Châu

Địa chỉ: Thôn Ngọc Nha Hạ - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,24	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,56	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,62	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 <sup>-3(b)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xn\_cdchy@gmail.com

Số: 549 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N21/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: Cụm Công Nghiệp Số 5 - Xã Xuân Trúc - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Nhà Máy Nước Khoái Châu

Địa chỉ: Thôn Ngọc Nha Hạ - Xã Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,41	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,63	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,43	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10 <sup>-3(b)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,512	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xncdchy@gmail.com

Số: 550 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



**I. Lý lịch mẫu:**

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N22/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: Vòi phát

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Công Ty Nước Sạch Hưng Yên - Chi Nhánh Cấp Nước Hưng Yên I

Địa chỉ: Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

**II. Kết quả phân tích:**

**1. Chỉ tiêu hóa lý:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	< 0,1 <sup>(a)</sup>	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,54	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,85	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	0,0012	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xncdchy@gmail.com

Số: 551 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N23/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: HGĐ SN 52E - Trung Nhị - Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Công Ty Nước Sạch Hưng Yên - Chi Nhánh Cấp Nước Hưng Yên I

Địa chỉ: Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	< 0,1 <sup>(a)</sup>	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,53	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,66	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<1,0 x 10 <sup>-3(a)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC

  
KT. GIÁM ĐỐC  
\* PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đỗ Luân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CDHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xncdchy@gmail.com

Số: 552/2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/03/2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



**I. Lý lịch mẫu:**

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N24/12/03/26

Vị trí lấy mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Vương - Xã Tiên Lữ - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Công Ty Nước Sạch Hưng Yên - Chi Nhánh Cấp Nước Hưng Yên I

Địa chỉ: Phường Phố Hiến - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Đào Thị Lý - Khoa XN - CDHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

**II. Kết quả phân tích:**

**1. Chỉ tiêu hóa lý:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,11	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,54	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,52	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2023	mg/L	<1,0 x 10 <sup>-3(a)</sup>	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01 <sup>(b)</sup>	1
8.	Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5 <sup>(a)</sup>	2

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm

- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước